

Số:17/2026/QĐST- DS

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ

- Khoản 3 Điều 26, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 280, khoản 2 Điều 292, 299, 317, 318, 320, 322, 351, 463, 466, 468, 500 và 501 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục c mục 1.3 Điều 1 phần II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: [Ngân hàng TMCP V](#)

Địa chỉ: [Tòa V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.](#)

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Ngô Chí D](#) - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Vũ Ngọc Q](#) - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân 2 - Trung tâm xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân (theo văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025)

Người được ủy quyền lại: Ông [Lê Viết L](#) - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: [Tầng C, TTTM T, số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa](#); CCCD số: 038200004852 (theo văn bản ủy quyền số: 300226/2026/UQ-LCC-VPB ngày 03/02/2026)

Bị đơn: 1. Ông [Trần Văn C](#), sinh năm 1975; CCCD số: 038075006074

2. Bà [Đỗ Thị H](#), sinh năm 1978; CCCD số: 038178008210

Cùng cư trú tại: Thôn Trung Chính, xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các đương sự thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lãi phạt là 888.538 đồng (tám trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng).

- Về số nợ: Các đương sự thống nhất ông [Trần Văn C](#) và bà [Đỗ Thị H](#) còn nợ [Ngân hàng TMCP V](#) tổng số tiền tính đến ngày 22/4/2026 nợ gốc: 361,169,260 đồng, nợ lãi trong hạn: 7,314,601đ đồng; nợ lãi quá hạn: 30,198,600 đồng, tổng cộng là 398,682,461 đồng (ba trăm, chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng).

Ông [Trần Văn C](#) và bà [Đỗ Thị H](#) có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả nợ) cho [Ngân hàng TMCP V](#) tổng số tiền 398,682,461 đồng (trong đó: nợ gốc: 361,169,260 đồng, nợ lãi trong hạn: 7,314,601đ đồng; nợ lãi quá hạn: 30,198,600 đồng).

Ông [C](#) và bà [H](#) phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 23/4/2026 theo Hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng cho đến khi thanh toán hết dư nợ cho ngân hàng.

Nếu ông [C](#) và bà [H](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, [V1](#) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 10-BĐ năm 2015, địa chỉ tại: [Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa \(nay là thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa\)](#); Theo GCNQSDĐ số CD 216110, sổ vào sổ cấp GCN CH01029-HY/2398/QĐ-UBND do [UBND huyện H](#) ngày 31/5/2016 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Quyết định của Tòa án cho đến khi ông bà hết nghĩa vụ với [V1](#).

* **Về án phí DSST:** Ông [Trần Văn C](#) và bà [Đỗ Thị H](#) phải nộp án phí là 9.967.000đ (chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) (ông [C](#) nộp 4.983.500 đồng, bà [H](#) nộp 4.983.500 đồng).

Trả lại cho [Ngân hàng TMCP V](#) số tiền tạm ứng án phí 9.733.635 đồng (chín triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng) đã nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá theo biên lai thu số: 0001932 ngày 16/3/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Đường sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THA dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN